TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án
số:134/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14/8/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Dũng;

2. Bà Lê Thị Vân;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 194/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị H**, *sinh năm 1978. Địa chỉ:* **Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang** *(xin vắng mặt);*

2. Bị đơn: Anh **Lê Công T**, *sinh năm 1980. Địa chỉ:* **Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang** *(vắng mặt);*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 04/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị*** Lê Thị H ***trình bày:***

Chị và anh Lê Công T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 30/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cự cãi thường xuyên, vợ chồng ly thân từ năm 2020

đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Lê Công T;

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 30/10/2023 và Lê Văn L, sinh ngày 05/7/2008 hiện đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Văn L. Con chung tên Lê Thị Diễm M đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu anh Lê Công T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Lê Công T vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Công T được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 02 không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị H xin ly hôn với anh Lê Công T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Lê Công T vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Lê Thị H, anh Lê Công T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ do anh, chị chung sống không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị H cương quyết xin ly hôn, anh Lê Công T được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Lê Thi

H, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thi H.

3.2. Về con chung: Xét con chung đang sống cùng chị Lê Thị H, cuộc sống sinh hoạt đã ổn định và có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thi H.

3.3. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thi H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thi H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thi H ly hôn với anh Lê Công T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Văn L, sinh ngày 05/7/2008 cho chị Lê Thi H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Lê Thi H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017491 ngày 18/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị Lê Thi H đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- THADS huyện CL;
- UBND xã Mỹ Thành Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc